

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Tấn T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Hồng T, Nguyễn Công D, đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T là anh Huỳnh Tuấn K có đơn xin rút yêu cầu độc lập và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Tấn T không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “*Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung*”, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Trú tại: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Lê Hoàng A** – Văn phòng luật sư Hoàng A, đoàn luật sư tỉnh T.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 165, đường Trương Phước Phan, Khu phố 8, phường Bình Trị Đ, quận B, Thành phố H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Huỳnh Tuấn K**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 2000.
- Anh **Nguyễn Công D**, sinh ngày 27/4/2002.

Cùng nơi ĐKKHKT: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

Cùng trú tại: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 29, ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Về tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

+ Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09932, ngày 12/3/2019 và 9.217.500 đồng tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09933 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 10006, ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho Nguyễn Công D 3.750.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003560, ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho Nguyễn Hồng T 3.750.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003561, ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

- Về quyền khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu